

Bản án số: 174/2025/HS-PT
Ngày: 15 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Công Thi
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Long
ông Phùng Anh Dũng

Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2025/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo **Phạm Văn H, Trần Minh D** về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên trái phép”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **PHẠM VĂN H**, sinh ngày 15/8/1967 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: **Số I, Ngõ A đường Đ, phường T, Quận Đ, Thành phố Hà Nội**; chỗ ở hiện nay: **thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn N** (chết) và con bà **Nguyễn Thị N1** (chết); vợ: **Nguyễn Thị N2**; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 01/07/1998, bị **Công an Quận H, thành phố Hà Nội** xử phạt hành chính 500.000 đồng về hành vi đánh bạc; Ngày 20/09/2022, bị **Công an xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi** xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã nộp tiền xong ngày 03/9/2022).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/3/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. **TRẦN MINH D**, sinh ngày 12 tháng 7 năm 1985 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**; Nơi ở hiện tại: **thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Minh C** và con bà **Nguyễn Thị T**; vợ: **Dương Thị T1**; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 01/12/2020, bị **Công an huyện B, tỉnh Quảng Ngãi** xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi “Khai thác khoáng sản (đất) trái phép làm vật liệu xây dựng thông thường” (đã nộp tiền phạt ngày 01/12/2020).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/3/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo **Phạm Văn H** theo lời mời của bị cáo: Luật sư **Trương Đức L, Công ty L2** thuộc **Đoàn luật sư thành phố H**. Địa chỉ: **Số D ngõ A phố B, phường B, quận L, thành phố Hà Nội**. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. **Công ty Cổ phần Đ1**; địa chỉ: **Khu D, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đinh Văn D1** – Tổng giám đốc; vắng mặt.

2. **Công ty Cổ phần X (Công ty V1)**; địa chỉ: **Số C N, phường K, Quận C, thành phố Đà Nẵng**;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Văn K** – Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Chi nhánh **Công ty Cổ phần X (Chi nhánh Công ty V1)**; địa chỉ: **Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T2** – Giám đốc **Nhà máy C4** thuộc Chi nhánh **Công ty V1**; địa chỉ: **Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**; có mặt.

3. **Công ty Trách nhiệm hữu hạn C5**; địa chỉ: **tổ A, phường Q, thành phố Q**; Người đại diện theo pháp luật: anh **Nguyễn Văn C1**, Giám đốc; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo **Đinh Văn D2** và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

1. Các doanh nghiệp có liên quan đến vụ án:

1.1. **Công ty Cổ phần Đ1** (doanh nghiệp đổi tên từ **Công ty Cổ phần Đ2** từ ngày 18/11/2014 và sáp nhập với **Công ty Cổ phần T3** (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300329459 do Phòng đăng ký kinh doanh – **Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q** cấp ngày 22/5/2008) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp số 4000591871, do **Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q** cấp lần đầu ngày 03/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 02/7/2020 do **Phạm Văn H** giữ chức vụ Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty; đến ngày 12/12/2023 đăng ký thay đổi lần thứ 20 do ông **Nguyễn Kiên C2**, Tổng giám đốc; đến ngày 08/6/2024 đăng ký thay đổi lần thứ 21 do ông **Đinh Văn D1**, Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

1.2. **Công ty Trách nhiệm hữu hạn C5** (Sau đây gọi tắt là: **Công ty C5**) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300818393, do **Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q** cấp lần đầu ngày 04/06/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 04/05/2023 do **Nguyễn Văn C1** là chủ sở hữu, đại diện theo pháp luật của Công ty.

1.3. Chi nhánh **Công ty Cổ phần X** (Sau đây gọi tắt là: Chi nhánh **Công ty V1**) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300635748-002, do Phòng Đăng ký kinh doanh - **Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q** cấp lần đầu ngày 25/9/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 07/8/2012 do **Võ Văn K**, sinh năm 1958; hộ khẩu thường trú: **số G T, phường T, Quận H, thành phố Đà Nẵng**) là Giám đốc Chi nhánh; ông **Nguyễn Văn T2** – Giám đốc **nhà máy C4** là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 04A/VIC-MT ngày 06/01/2022. Chi nhánh **Công ty V1** thuộc **Công ty Cổ phần X**; địa chỉ: **Số C N, phường K, Quận C, thành phố Đà Nẵng** (Sau đây gọi tắt là: **Công ty V1**).

2. Về nội dung vụ án:

Khu D, địa chỉ: **xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi** do **Công ty Cổ phần Đ1** làm chủ đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư số 01/2005/GPĐT ngày 01/01/2005 do **Ban Q** cấp để đầu tư xây dựng mới Khu du lịch sinh thái đáp ứng cho nhu cầu vui chơi, giải trí, nghỉ ngơi, tham quan du lịch...của cán bộ, chuyên gia, công nhân làm việc tại các Nhà máy, **xí nghiệp T4** và du khách trong, ngoài nước. Dự án này không được cấp phép khai thác khoáng sản và vận chuyển khoáng sản ra bên ngoài khu vực dự án (theo Công văn số 3733/BQL-QLĐT ngày 24/12/2023 của **Ban Q** và các **KCN Q** về việc cung cấp các nội dung liên quan đến Dự án Khu du lịch sinh thái Thiên Đường và Công văn số 216/STNMT ngày 12/01/2024 của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** về việc cung cấp các nội dung liên quan đến việc khai thác khoáng sản trái phép tại **Khu D**).

Trong thời gian giữ chức vụ Tổng Giám đốc **Công ty Cổ phần Đ1**, bị cáo **Phạm Văn H** có quen biết với bị cáo **Trần Minh D** và bị cáo **Đinh Văn D2**. Đến đầu tháng 10/2023 (không xác định thời gian), bị cáo **Phạm Văn H** nảy sinh ý định khai thác cát tại khu vực Thiên Đường để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo **Phạm Văn H** hẹn gặp bị cáo **Trần Minh D** và bị cáo **Đinh Văn D2** đến chỗ ở của bị cáo **H** tại khu vực **T**. Tại đây, các bị cáo thống nhất phương án khai thác cát như sau: Bị cáo **H** sẽ bán cho bị cáo **D** với khối lượng cát 5.000m³ chưa khai thác trong khu vực **T** với giá 70.000 đồng/m³, khi thực hiện việc khai thác đủ khối lượng cát theo thỏa thuận sẽ tiến hành đối chiếu sổ sách và thanh toán tiền; việc khai thác, vận chuyển do bị cáo **Trần Minh D** tự thực hiện, chi trả. Bị cáo **H** không tham gia và can thiệp, thời gian khai thác phải được tiến hành từ khoảng 20 giờ

00 phút đến khoảng 03 giờ 00 phút hằng ngày. Ngoài ra, bị cáo **H** chia cho bị cáo **Đinh Văn D2** 30.000 đồng/m³ để bị cáo **D2** thực hiện việc ghi chép, chăm chuyển, theo dõi việc khai thác và trồng lại cây xanh tại khu vực khai thác cát.

Trong các ngày 01/11/2023 và 02/11/2023, bị cáo **Trần Minh D** tạm ứng trước cho **Phạm Văn H** với số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Sau đó, bị cáo **H** đưa cho bị cáo **D2** số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để đồ xăng, ăn uống, đi lại hằng ngày.

Sau khi thống nhất việc mua bán cát với bị cáo **H**, bị cáo **Trần Minh D** gặp **Nguyễn Văn C1** - Giám đốc **Công ty TNHH C5** (Sau đây viết tắt là: **Công ty C5**) để trao đổi việc bán lại cát cho **C1** thì **C1** đồng ý. Do trước đó, **Nguyễn Văn C1** đã thực hiện ký kết hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/CN-VICO/2023 ngày 01/09/2023 với **Công ty V1** về việc **Công ty C5** sẽ bán cát vàng đã mua từ cá nhân, tổ chức khác cho Chi nhánh **Công ty V1**, với giá 320.000 đồng/m³ nên khi bị cáo **Trần Minh D** đưa ông **C1** đến khu vực **T** để xem thực tế thì hai bên thống nhất thỏa thuận **Công ty C6** lại 5.000m³ cát với giá 220.000 đồng/m³ (bao gồm chi phí vận chuyển từ khu vực Thiên Đàng đến địa chỉ **Nhà máy C4** thuộc Chi nhánh **Công ty Cổ phần X** tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Việc thanh toán tiền mua bán cát được thực hiện theo phiếu nhập cát của **Công ty V1** khi khối lượng cát được bàn giao đủ.

Để thực hiện việc khai thác cát trái phép, bị cáo **Trần Minh D** liên hệ với anh **Nguyễn Duy C3** để thuê xe máy đào Biển kiểm soát 12LA-0062 và thuê anh **Nguyễn Duy H1** để điều khiển xe máy đào nêu trên. Bị cáo **D** thuê xe ô tô tải để vận chuyển cát từ khu vực **Thiên Đ** đến **Công ty V1** gồm các xe Biển kiểm soát: 76H-016.25, 76H-016.04, 76H-016.69, 76H-018.37, 76C-104.12, 76C-097.21, 76C-109.54, 76C-111.89, 76C-111.90.

Từ ngày 20/10/2023 đến ngày 16/11/2023 trong khung giờ từ khoảng 20 giờ 00 phút ngày hôm trước đến khoảng 03 giờ 00 phút ngày hôm sau, bị cáo **Trần Minh D** thực hiện việc khai thác cát trái phép liên tục tại khu vực **T** và vận chuyển đến Chi nhánh **Công ty V1**. Đến khoảng 23 giờ 00 phút ngày 16/11/2023, khi **Nguyễn Duy H1** đang điều khiển xe máy đào mang Biển kiểm soát 12LA-0062 múc cát đổ lên thùng xe ô tô tải Biển kiểm soát 76H-016.69 do ông **Hoàng Ngọc L1 V** điều khiển với khối lượng là 10,488m³ thì bị **Phòng C7 - Công an tỉnh Q** phát hiện và lập biên bản thu giữ tại hiện trường, gồm có: Sổ chăm chuyển xe vận chuyển cát ra bên ngoài; 04 xe ô tô tải gồm biển kiểm soát: 76H-016.69; 76C-104.12; 76C-11190 và 76H-01625; 01 xe máy đào biển kiểm soát 12LA-0062 cùng nhiều đồ vật, tài sản khác có liên quan.

Kết quả điều tra xác định: Từ ngày 20/10/2023 đến ngày 16/11/2023, các bị cáo: **H**, **D** và **D2** đã tổ chức khai thác cát trái phép tại khu vực **T** được tổng khối lượng là 3.913,09m³, trong đó: 10,488m³ cát trong thùng xe ô tô tải Biển kiểm soát 76H-016.69 trong khu vực **T** thu giữ ngày 16/11/2023 và 3.902,6m³ đã vận chuyển ra khỏi khu vực **T**, gồm: Tập kết tại bãi chứa cát của **Công ty V1**, với khối lượng 3.892,1m³ và 10,5m³ do xe ô tô tải Biển kiểm soát 76C-109.54 vận chuyển ngày 13/11/2023 không nhập vào Công ty;

Tính đến ngày 31/10/2023, Chi nhánh Công ty V1 đã thanh toán khối lượng cát mua cho Công ty C5; trong đó, Khối lượng cát mà Nguyễn Văn C1 mua của bị cáo Trần Minh D là 1.368,4m³, với tổng số tiền 437.888.000 đồng (1.368,4m³ x 320.000 đồng); Chi nhánh Công ty V1 còn nợ lại của Nguyễn Văn C1 với số tiền 807.584.000 đồng (2.523m³ x 320.000 đồng). Đây cũng là khối lượng cát mà bị cáo Trần Minh D đã giao cho C1 và được tập kết tại Công ty V1.

Đối với số tiền mua cát của bị cáo Trần Minh D thì Nguyễn Văn C1 chưa thanh toán cho bị cáo D.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KLHĐĐGTS ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh đối với cát khai thác tại khu vực T, kết luận: Trong thời gian từ ngày 01/7/2023 đến ngày 16/11/2023, 04 mẫu cát theo yêu cầu của cơ quan điều tra là 01 loại cát được khai thác tại Khu D đều có giá là 220.000 đồng/m³. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Q xác định trị giá khoáng sản cát đã khai thác trái phép tại khu vực Thiên Đàng như sau: Trị giá khoáng sản cát khai thác trái phép “=” tổng khối lượng khoáng sản cát đã khai thác trái phép “x” trị giá của 1m³ khoáng sản = 3.913,09m³ x 220.000 đồng/m³ = 860.879.800 đồng.

* Về tạm giữ đồ vật, tài liệu:

1/ 01 quyển sổ có nhiều tờ giấy, trên giấy có ghi chữ, số, có chữ ký xác nhận của Đinh Văn D2 và 01 quyển vở có ghi chữ, số, có chữ ký xác nhận của Phạm Văn H được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

2/ 01 xe máy đào màu vàng, loại bánh xu, nhãn hiệu Hyundai, Biển kiểm soát 12LA-0062, khối lượng gầu mức 0,5m³;

3/ 10,488m³ cát khai thác trái phép hiện được tạm giữ và bảo quản tại Bến xe B thuộc thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

4/ 3.892,1m³ cát khai thác trái phép được tập kết tại Nhà máy C4 thuộc Chi nhánh Công ty V1.

5/ 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màu tím, số imei 1: 356646101874683 thu giữ của Phạm Văn H;

6/ 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màu xám, số imei 1: 356202091802340 thu giữ của Đinh Văn D2.

7/ Phần còn lại mẫu cát vàng thu đồng cát số 1 đang tập kết tại Nhà máy C4 thuộc Chi nhánh Công ty V1 được bỏ vào bao tải ký hiệu số 01 và dùng dây cột chặt miệng bao tải. Phần còn lại mẫu cát vàng thu đồng cát số 2 đang tập kết tại Nhà máy C4 thuộc Chi nhánh Công ty V1 được bỏ vào bao tải ký hiệu số 02 và dùng dây cột chặt miệng bao tải; 02 bao tải này được bỏ vào thùng giấy A4, dán niêm phong và có chữ ký của những người tham gia, bên ngoài ghi bao tải 01,02.

8/ Phần còn lại mẫu cát thu tại khu vực khai thác khoáng sản trái phép thuộc Khu D được bỏ vào bao tải ký hiệu số 03 và dùng dây cột chặt miệng bao tải.

9/ Phần còn lại mẫu cát thu trong thùng xe ô tô tải Biển kiểm soát 76H-016.69 được bỏ vào bao tải ký hiệu số 04 và dùng dây cột chặt miệng bao tải; 02 bao tải này được bỏ vào thùng giấy A4, dán niêm phong và có chữ ký của những người tham gia, bên ngoài ghi bao tải 03, 04.

Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: **Phạm Văn H**, **Trần Minh D** đều phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên trái phép”.

1. Áp dụng: Điểm a, b khoản 1, khoản 3 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1.1. Về hình phạt chính:

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn H** 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Minh D** 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo **Đinh Văn D2**; áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo **H** và bị cáo **D**; về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng; Kiến nghị đối với Cơ quan cảnh sát điều tra; về án phí và thông báo về quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/01/2025, bị cáo **Phạm Văn H** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo **Trần Minh D** có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc xin được phạt tiền là hình phạt chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, người bào chữa cho bị cáo **Phạm Văn H** đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng, Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về nội dung, sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Văn H** và bị cáo **Trần Minh D**, giữ nguyên Quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của các bị cáo **Phạm Văn H** và bị cáo **Trần Minh D**, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Tại giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kháng cáo của các bị cáo **Phạm Văn H**, **Trần Minh D** là hợp lệ, trong thời hạn luật định.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy nhiên họ không kháng cáo, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hành vi, hậu quả phạm tội: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo **Phạm Văn H**, **Trần Minh D** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2023 đến ngày 16/11/2023, mặc dù không có giấy phép khai thác cát, các bị cáo **Phạm Văn H**, **Trần Minh D** và **Đinh Văn D2** đã cấu kết với nhau thực hiện việc khai thác cát trái phép tại khu vực khu du lịch sinh thái Thiên Đường, với tổng khối lượng là 3.913,09m³, giá trị khoáng sản là: 860.879.800 đồng để đưa đi bán cho **Công ty C5**, với khối lượng 3.892,1m³. Bị cáo **Phạm Văn H** thu lợi bất chính số tiền 295.000.000 đồng; Bị cáo **Trần Minh D** thu lợi bất chính số tiền 320.000.000 đồng và bị cáo **Đinh Văn D2** thu lợi bất chính số tiền 5.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo **Phạm Văn H** và **Trần Minh D** đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên trái phép”; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã áp dụng: Điều a, b khoản 1, khoản 3 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt các bị cáo **Phạm Văn H** và bị cáo **Trần Minh D**, mỗi bị cáo 01 (Một) năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo **Phạm Văn H**, Hội đồng xét xử, xét thấy: Bị cáo **Phạm Văn H**, nguyên là Tổng Giám đốc **Công ty Cổ phần Đ1**, nắm rõ các quy định của pháp luật cũng như biết rõ khu vực tại **Khu D** không được phép khai thác cát, nhưng vì động cơ vụ lợi nên đã khởi xướng việc khai thác cát trái phép để đem bán nhằm hưởng lợi, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, khai thác tài nguyên, gây thất thoát tài nguyên khoáng sản của Nhà nước, do vậy, bị cáo **Phạm Văn H** giữ vai trò thực hành chính trong vụ án. Tại giai đoạn sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã tự nguyện giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm tù là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **H** cũng không cung cấp, bổ sung được tình tiết giảm nhẹ gì mới đáng kể. Người bào chữa cho bị cáo **H** cho rằng bản thân bị cáo có vai trò thứ yếu, bị cáo **D** mới là người giữ vai trò chính là không đúng,

chính bị cáo **H** là người chủ động liên hệ bị cáo **D** để bán cát, giữ vai trò chính trong giai đoạn đầu của vụ án. Xem xét việc bị cáo xin được hưởng án treo, xét thấy, với vai trò khởi xướng, chủ động bán tài nguyên cho bị cáo **D** để hưởng lợi, về nhân thân đã nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, do vậy, bị cáo **H** không đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo.

[2.3]. Xem xét kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc xin được xử phạt hình phạt chính là phạt tiền của bị cáo **Trần Minh D**, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi được bị cáo **H** liên hệ bán cát, bị cáo **Trần Minh D** đã thống nhất thỏa thuận với bị cáo **Phạm Văn H** về việc khai thác cát, chủ động liên hệ với những cá nhân, tổ chức khác để thuê phương tiện và người điều khiển xe máy đào, phương tiện vận chuyển khoáng sản, tìm kiếm người mua và bán cát, hưởng lợi trong việc bán cát cao hơn bị cáo **H**, thể hiện vai trò đồng phạm thực hành rất tích cực. Xét bị cáo **Trần Minh D** có cha ruột và bác ruột là người có công với cách mạng nên Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm tù là đúng với tính chất hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; tuy nhiên, tại Bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, hơn nữa, nhân thân bị cáo đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi “Khai thác khoáng sản (đất) trái phép”.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Phạm Văn H** và bị cáo **Trần Minh D**, giữ nguyên Quyết định về hình phạt tại Bản án sơ thẩm đối với cả hai bị cáo.

[3] Xem xét việc kiến nghị về việc bỏ lọt tội phạm đối với **Nguyễn Văn C1**, nhận thấy: Sau khi thống nhất việc mua bán cát với bị cáo **H**, bị cáo **Trần Minh D** gặp **Nguyễn Văn C1** - Giám đốc Công ty TNHH C5 để trao đổi việc bán lại cát cho **C1** thì **C1** đồng ý và **Nguyễn Văn C1** đã đến khu vực **T** để xem thực tế và đã thống nhất mua lại 5.000m³ cát với giá 220.000 đồng/m³, xét thấy, **Nguyễn Văn C1** là Giám đốc của một Công ty TNHH ở ngay tại địa bàn Quảng Ngãi, phải biết rõ các mỏ khai thác cát trên địa phương, biết rõ nguồn gốc, số lượng cát, vị trí khai thác là không hợp pháp, việc vận chuyển cát vào ban đêm thể hiện việc lén lút, không minh bạch nhưng vẫn mua bán, tiêu thụ nên hành vi của **Nguyễn Văn C1** có dấu hiệu phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh **Q** tiếp tục điều tra xử lý đối với **Nguyễn Văn C1** là có cơ sở. Do hành vi tiêu thụ cát của **Nguyễn Văn C1** có thể tách ra để xử lý riêng, nhằm để ổn định bản án nên tại vụ án này Hội đồng xét xử chỉ xem xét kháng cáo của các bị cáo **Phạm Văn H** và bị cáo **Trần Minh D** mà không huỷ Bản án sơ thẩm.

[4] Đối với các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp; xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí phúc thẩm, do không chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo **Phạm Văn H**, **Trần Minh D** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Phạm Văn H**, **Trần Minh D**, giữ nguyên Quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với cả hai bị cáo.

1. Áp dụng: Điểm a, b khoản 1, khoản 3 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn H** 01 (Một) năm tù, về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên trái phép”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Minh D** 01 (Một) năm tù, về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên trái phép”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Kiến nghị: Yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra – **Công an tỉnh Q** tiếp tục điều tra, làm rõ và xem xét xử lý **Nguyễn Văn C1** và **Công ty C5** về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” đối với khối lượng cát mua của bị cáo **Trần Minh D** nhằm tránh bỏ lọt tội phạm.

3. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo **Phạm Văn H**, **Trần Minh D**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp thành phố tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Công Thi